

Số: 183/2019/DS-PT

Ngày: 22/5/2019

V/v: tranh chấp HĐCN
quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Cùng các Thẩm phán: Ông Phạm Kim Cửa

Ông Bùi Thế Xương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Cẩm Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 13/2019/TLPT-DS ngày 02/01/2019 về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 159/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 32/2019/QĐ-PT ngày 28/02/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị V, sinh năm: 1966.

Cùng địa chỉ: Ấp Ph, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Sử Văn N, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Nh, sinh năm 1960 và bà Lê Thị A, sinh năm 1963.

Cùng địa chỉ: Ấp Ph, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp Ph, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre; (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm;

Nguyên đơn do ông Sử Văn N đại diện trình bày: Vào năm 1997, ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị V có nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Nh và bà Lê Thị A một phần đất có diện tích khoảng 2.300m², thuộc thửa 217, tờ bản đồ số 04, tọa lạc tại: ấp Ph, xã H, huyện C, tỉnh Bến Tre (theo dự án Vlap thì phần đất trên nay là thửa 54, tờ bản đồ số 08, diện tích 2.748,7m²). Việc chuyển nhượng có lập giấy tay đề ngày 16 tháng 01 năm 1997 (không có công chứng, chứng thực), giá trị chuyển nhượng là 36 (ba mươi sáu) chỉ vàng 24Kra. Ông Nh, bà A đã nhận đủ số vàng trên và giao đất cho ông Tr, bà V sử dụng ổn định từ thời điểm chuyển nhượng cho đến nay. Mặc dù ông Tr, bà V nhiều lần yêu cầu ông Nh, bà A làm thủ tục chuyển nhượng đất theo đúng quy định của pháp luật nhưng do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nh, bà A luôn được thế chấp để vay vốn Ngân hàng nên việc chuyển nhượng theo quy định đến nay vẫn chưa thực hiện được. Đến tháng 02 năm 2018, ông Tr, bà V được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thông báo về việc phần đất mà ông Tr, bà V đang sử dụng thuộc diện phải thi hành án để trả nợ mà ông Nh, bà A còn nợ của bà Lê Thị H. Do đó, ông Tr, bà V yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre buộc ông Trần Văn Nh, bà Lê Thị A tiếp tục thực hiện hợp đồng, công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Tr, bà V đối với phần diện tích 2.727,2m² (theo kết quả đo đạc thực tế) thuộc thửa đất số 54, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre và công nhận cho ông Tr, bà V quyền sử dụng đất đối với phần đất này. Riêng yêu cầu của bà Lê Thị H yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập giữa ông Tr, bà V và ông Nh, bà A với thửa trên thì ông Tr, bà V không đồng ý.

- Bị đơn là ông Trần Văn Nh, bà Lê Thị A trình bày: Ông Nh, bà A xác định ông bà có chuyển nhượng cho ông Tr, bà V một phần đất thuộc thửa 217, tờ số 4, tọa lạc tại ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (theo dự án Vlap thì phần đất trên nay là thửa 54, tờ bản đồ số 08, diện tích 2.748,7m²). Việc chuyển nhượng có lập giấy tay đề ngày 16 tháng 01 năm 1997 (không có công chứng, chứng thực), giá trị chuyển nhượng là 36 (ba mươi sáu) chỉ vàng 24Kra. Ông Nh, bà A đã nhận đủ số vàng trên và giao đất cho ông Tr, bà V sử dụng ổn định từ thời điểm chuyển nhượng cho đến nay. Do hoàn cảnh khó khăn, phải thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ngân hàng để vay vốn nên ông Nh, bà A chưa thể làm thủ tục sang tên phần đất trên cho ông Tr, bà V theo quy định của pháp luật. Nay ông Nh, bà A đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Tr, bà V. Ông Nh, bà A không đồng ý với yêu cầu của bà Lê Thị H. Ông Nh, bà A cho rằng việc ông bà vay tiền của bà H là có sau việc chuyển nhượng

quyền sử dụng đất cho ông Tr, bà V. Hiện tại, ông bà cũng có một thửa đất số 43, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre đã được Chi cục Thi hành án kê biên để đảm bảo cho việc thi hành án đối với khoản nợ của bà H. Đối với thửa 54, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre hiện tại Chi cục Thi hành án vẫn tiến hành chưa kê biên do có tranh chấp trong vụ việc này.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Lê Thị H trình bày:* Vào năm 2016, bà H cho vợ chồng bà A, ông Nh vay số tiền là 337.000.000 đồng, do bà A, ông Nh không trả nợ nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ việc trên đã được Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách giải quyết bằng Quyết định số: 108/2017/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2017. Do bà A, ông Nh không tự nguyện thi hành án nên bà đã nộp đơn đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách để yêu cầu thi hành án. Chi cục thi hành án đã ra quyết định số : 12/QĐ-CCTHADS ngày 12 tháng 3 năm 2018 để kê biên phần đất thuộc thửa 54, bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre do bà A, ông Nh đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Để đảm bảo quyền lợi của mình, bà H yêu cầu tòa án giải quyết huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Tr, bà V đối với thửa đất số 54, thửa đất số 8, tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (do bà A, ông Nh đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

Tại Bản án số 159/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre quyết định:

Căn cứ vào Điều 134, 688, 698, 699, 700, 701, 702 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 129 Bộ luật Dân sự; các Điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 203 Luật đất đai; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH2014 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí của Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị V đối với ông Trần Văn Nh và bà Lê Thị A. Cụ thể tuyên:

- Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy tay đề ngày 16 tháng 01 năm 1997) lập giữa ông Trần Văn Tr với ông Trần Văn Nh đối với phần đất có diện tích 2.727,2m² thuộc thửa đất số 54, thửa số 8 tọa lạc tại ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

- Công nhận quyền sử dụng của ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị V đối với phần đất có diện tích 2.727,2m² thuộc thửa đất số 54, thửa số 8 tọa lạc tại Ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (bao gồm tài sản trên đất); có tứ cận như sau:

+ Bắc giáp thửa 29 (Nguyễn Văn Vũ) dài 3,83m; thửa 41 (Nguyễn Văn Kỳ) dài 65,83m.

- + Nam giáp thửa 55 (Nguyễn Thị Hồng) dài là 73,90m.
- + Đông giáp thửa 53 (Nguyễn Văn Cây) dài 22,21m, thửa 482 (Nguyễn Minh Hiếu) dài 10,22m; thửa số 506 (Nguyễn Minh Trung) dài 3,55m.
- + Tây giáp thửa 29 (Nguyễn Văn Vũ) dài 40,05m.

(Có đồ họa kèm theo)

- Ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị V có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị V về việc chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 1.902.300Đ (một triệu chín trăm lẻ hai ngàn ba trăm đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Lê Thị H về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy tay đề ngày 16 tháng 01 năm 1997) lập giữa ông Trần Văn Tr với ông Trần Văn Nh đối với phần đất có diện tích 2.727,2m² thuộc thửa đất số 54, thửa số 8 tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 03/12/2018 bà Lê Thị H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của bà H.

Tại phiên Tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng; phía bị đơn đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan giữ yêu cầu độc lập và kháng cáo

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng theo pháp luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: giấy tay mua bán do nguyên đơn cung cấp không có công chứng, chứng thực. Ông Tr và ông Nh thống nhất thỏa thuận việc chuyển nhượng. Ông Tr đã nhận đất canh tác và trồng cây, cất nhà. Ngoài thửa đất này vợ chồng ông Nh còn có thửa đất khác để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án cho bà H. Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được giấy tờ tài liệu gì mới. Do đó, kháng cáo của bà H là không có căn cứ. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 bác kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Trong quá trình thu thập chứng cứ nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất thừa nhận: Ngày 16/01/1997 vợ chồng ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị V có nhận chuyển nhượng của vợ chồng ông Trần Văn Nh, bà Lê Thị A phần đất thuộc thửa 217, tờ số 4, tọa lạc tại ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre (theo dự án Vlap thì phần đất trên nay là thửa 54, tờ bản đồ số 08, diện tích 2.748,7m²). Việc chuyển nhượng có lập giấy tay, không có công chứng, chứng thực. Giá trị chuyển nhượng là 36 (ba mươi sáu) chỉ vàng 24Kra. Ông Nh, bà A đã nhận đủ số vàng trên và giao đất cho ông Tr, bà V sử dụng ổn định từ thời điểm chuyển nhượng cho đến nay. Nay phía nguyên đơn và bị đơn đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Bà Lê Thị H yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng do vợ chồng ông Nh, bà A vay bà H số tiền 337.000.000 đồng.

[2] Ngày 12/3/2018 Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách đã ra quyết định số: 12/QĐ-CCTHADS để kê biên phần đất thuộc thửa 54, bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre do bà A, ông Nh đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo thi hành án đối với Quyết định số: 108/2017/QĐST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách. Theo đó, thì vợ chồng bà A, ông Nh là người phải thi hành án cho bà H với số tiền 337.000.000 đồng. Như vậy, bà H là người có quyền đối với tài sản của bà A, ông Nh.

[3] Xét tính pháp lý của hợp đồng chuyển nhượng đất vào ngày 16/01/1997 giữa vợ chồng ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị V và vợ chồng ông Trần Văn Nh, bà Lê Thị A, nhận thấy rằng: hợp đồng này không được công chứng, chứng thực, các bên chỉ viết giấy tay và không có chữ ký của bà A. Các bên không ghi cụ thể vị trí thửa đất mà chỉ ghi là 2.290m². Mặc dù phía nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận hợp đồng, không có tranh chấp tuy nhiên theo Nghị quyết số 02/2004/HĐTP ngày 10/8/2004 của Hội đồng thẩm phán TANDTC thì hợp đồng này bị vô hiệu toàn bộ. Bản án sơ thẩm tuyên công nhận hợp đồng làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H đang được cơ quan thi hành án kê biên để đảm bảo tài sản thi hành án. Do vậy, kháng cáo của bà H về việc yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng đất ngày 16/01/1997 giữa vợ chồng ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị V với vợ chồng ông Trần Văn Nh, bà Lê Thị A là có căn cứ.

[4] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Mặc dù nguyên đơn và bị đơn không có chứng cứ chứng minh việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhưng các bên đều thừa nhận có giao dịch và đã giao tiền, giao đất đầy đủ. Trên phần đất được cho là có căn nhà của ông Tr nên chỉ chấp nhận một phần hợp đồng chuyển nhượng đối với phần đất có căn nhà với diện tích 500m², phần diện tích đất còn lại là 1.727,2m² (2.227,2m² – 500m²) của hợp đồng bị vô hiệu để đảm bảo cho việc thi hành án của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách tiếp tục kê biên. Do đó, hậu quả của hợp đồng vô hiệu một phần được xử lý như sau:

Theo biên bản định giá ngày 25/7/2018 của cấp sơ thẩm thì thửa đất có giá trị là $2.727\text{m}^2 \times 150.000 \text{ đồng/m}^2 = 409.050.000 \text{ đồng}$. Trị giá 36 chỉ vàng 24kra là $36 \times 3.583.000 \text{ đồng/chỉ} = 129.000.000 \text{ đồng}$.

Như vậy số tiền chênh lệch là 280.050.000 đồng (409.050.000 đồng – 129.000.000 đồng). Phần đất 500m có căn nhà mà ông Tr được nhận có giá trị là $500\text{m}^2 \times 150.000 \text{ đồng/m}^2 = 75.000.000 \text{ đồng}$. Số tiền còn lại là 205.050.000 đồng (280.050.000 đồng – 75.000.000 đồng). Các cây trồng trên đất được xác định do ông Tr trồng có giá trị 31.000.000 đồng.

Do đó, số tiền ông Tr được nhận lại từ vợ chồng bà A, ông Nh là 236.050.000 đồng (205.050.000 đồng + 31.000.000 đồng)

[4] Quan điểm của đại diện VKS tham gia phiên không tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận. Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2, Điều 308, 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Lê Thị H, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 159/2018/DS-ST ngày 15/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị V đối với ông Trần Văn Nh và bà Lê Thị A về việc công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy tay đề ngày 16 tháng 01 năm 1997) lập giữa ông Trần Văn Tr với ông Trần Văn Nh đối với phần đất có diện tích $2.727,2\text{m}^2$ thuộc thửa đất số 54, thửa số 8 tọa lạc tại ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Công nhận một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Trần Văn Tr và ông Trần Văn Nh và bà Lê Thị A đối với phần đất có diện tích 500m^2 thuộc thửa đất số 54A, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Phần đất có tứ cận như sau:

Bắc giáp thửa 29 (Nguyễn Văn Vũ) dài 3,83m; thửa 41 (Nguyễn Văn Ky) dài 8,7m.

Nam giáp thửa 55 (Nguyễn Thị Hồng) dài 12,59m.

Đông giáp thửa 54B dài 39,62m.

Tây giáp thửa 29 (Nguyễn Văn Vũ) dài 40,5m).

(có họa đồ kèm theo)

Ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị V có quyền và nghĩa vụ đăng ký kê khai đứng tên quyền sử dụng đất nêu trên theo quy định.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của bà Lê Thị H về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy tay đề ngày 16 tháng 01 năm 1997) lập giữa ông Trần Văn Tr với ông Trần Văn Nh đối với phần đất có diện tích 2.727,2m² thuộc thửa đất số 54, thửa số 8 tọa lạc tại ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Hủy một phần hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (giấy tay đề ngày 16 tháng 01 năm 1997) lập giữa ông Trần Văn Tr với ông Trần Văn Nh đối với phần đất có diện tích 2.227,2m² thuộc thửa đất số 54, thửa số 8 tọa lạc tại ấp Ph, xã H, huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Phần đất có tứ cận như sau:

Bắc giáp thửa 41 dài 57,13m.

Nam giáp thửa 55 (Nguyễn Thị Hồng) dài 61,31m.

Đông giáp thửa 53 (Nguyễn Văn Cây) dài 22,21m; thửa 482 (Nguyễn Minh Hiếu) dài 10,22m; thửa số 506 (Nguyễn Minh Trung) dài 3,55m.

Tây giáp thửa 54A dài 39,62).

(có họa đồ kèm theo)

3. Vợ chồng ông Trần Văn Nh, bà Lê Thị A phải bồi thường cho vợ chồng ông Trần Văn Tr bà Nguyễn Thị V số tiền 236.050.000 đồng (Hai trăm ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị V về việc chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản là 1.902.300 đồng (một triệu chín trăm lẻ hai ngàn ba trăm đồng).

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Trần Văn Tr, bà Nguyễn Thị V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0024093 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ông Trần Văn Nh, bà Lê Thị A phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0020227 ngày 12/9/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị H số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0020329 ngày 03/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Lách.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Phòng GĐKT;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Dũng

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương

Phạm Kim Cũa

Huỳnh Ngọc Dũng

